

Bản tin Phân tích kỹ thuật

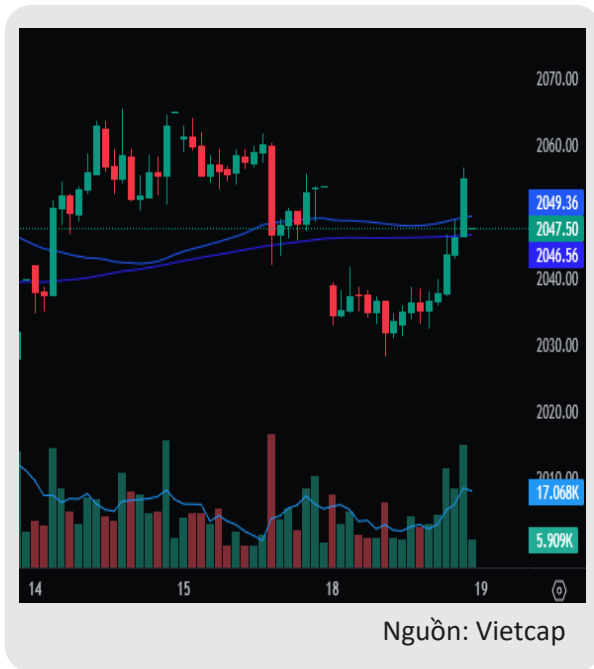
18/05/2026



Vũ Minh Đức
Phó Giám đốc
duc.vu@vietcap.com.vn
+8428 3914 3588 ext.363

Lê Hải Đăng
Chuyên viên
dang.le@vietcap.com.vn
+8428 3914 3588 ext.570

Chiến lược HDTL chỉ số VN30



Nhận định:

- 4111G5000 thu hẹp phần lớn mức giảm từ đầu ngày sau khi tiếp cận vùng giá 2.030 điểm. Tuy nhiên, hợp đồng đóng cửa quanh đường MA200 và dưới đường MA50 (2.050 điểm) cho thấy đà tăng chưa áp đảo hoàn toàn. (M15)
- Khuyến nghị mở vị thế mua khi hình thành nến đóng cửa vượt 2.050 điểm, mục tiêu tại 2.065 điểm và dừng lỗ nếu vi phạm ngưỡng 2.046 điểm.

Chiến lược:

- Mua khi vượt (BS): 2.050 điểm
- Mục tiêu (TP): 2.065 điểm
- Dừng lỗ (SL): 2.046 điểm

Quan điểm kỹ thuật

	Ngắn hạn	Trung hạn
VN-Index	Tích cực	Tích cực
VN30	Tích cực	Tích cực
VNMid	Trung tính	Trung tính
VNSmall	Tiêu cực	Trung tính
HNX	Tích cực	Trung tính

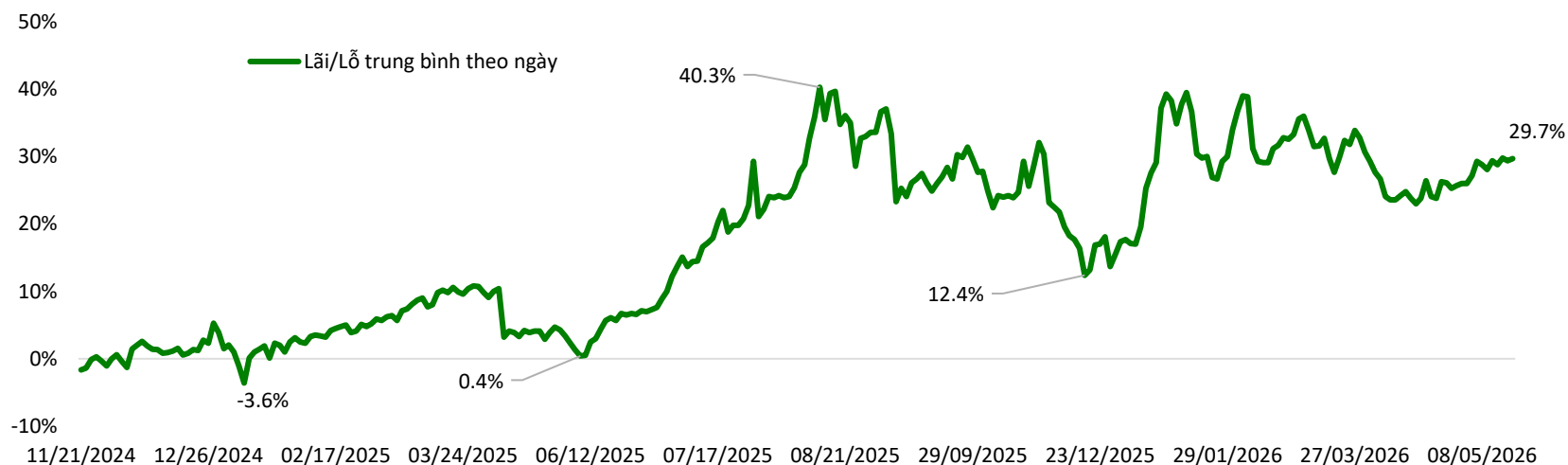


Nguồn: Vietcap

- Về hoạt động giao dịch, nhóm Hóa chất & Phân bón, Dầu khí và Bảo hiểm thu hút lực mua chủ động ngay từ đầu ngày và tiếp tục cải thiện đến cuối phiên. Đáng chú ý, nhóm Chứng khoán cũng ghi nhận lực mua giá thấp nổi bật trong ngày. Ở nhóm Ngân hàng, cung cầu nhìn chung không thay đổi nhiều so với các phiên trước khi áp lực bán vẫn được tiết chế, còn lực mua chỉ tăng cục bộ. Với các nhóm ngành còn lại, lực bán chiếm ưu thế, hoạt động mua quanh vùng giá thấp chưa đủ nổi bật.
- Về mặt kỹ thuật, dù xuất hiện rung lắc trong phiên, VN-Index vẫn duy trì đóng cửa trên MA5 (1.915 điểm), cho thấy đà tăng tiếp tục chiếm ưu thế về cuối ngày. Theo đó, xác suất vẫn nghiêng về kịch bản tiếp tục tăng giá với mục tiêu gần là vùng 1.940 điểm. Mốc 1.915 điểm sẽ đóng vai trò hỗ trợ trong phiên 19/05, đồng thời là ngưỡng dừng lỗ hoặc giảm tỷ trọng đối với các vị thế ngắn hạn.
- Xét về rủi ro, lực mua giá cao vẫn duy trì sự chủ động (Dầu khí, Bảo hiểm và Hóa chất & Phân bón), trong khi nhóm Chứng khoán thu hút lực cầu giá thấp rõ hơn. Mức độ phụ thuộc vào nhóm Vingroup đã giảm nhờ biên độ tăng cải thiện ở các nhóm ngành tích cực. Do đó, chúng tôi cho rằng rủi ro xuất hiện nhịp điều chỉnh mạnh vẫn đang ở mức thấp.

Bảng theo dõi những vị thế đang mở

BẢNG THEO DÕI NHỮNG VỊ THẾ ĐANG MỞ										
Mã	Ngày mở	Ngày đóng	Trạng thái	Giá hiện tại	Giá mở	Lãi/Lỗ hiện tại	Ngưỡng dừng lỗ	Giá mục tiêu	Ngưỡng dừng lỗ mới	Giá mục tiêu mới
CTG	29/04/2026		Đang mở	36,300	34,750	4.5%	33,000	37,800		
MWG	29/04/2026	18/05/2026	Dừng lỗ	81,500	84,300	-3.3%	81,500	92,700		
SAB	29/04/2026		Đang mở	48,400	47,500	1.9%	46,000	53,600		
DXG	07/05/2026		Đang mở	15,900	15,450	2.9%	15,000	17,500		
VPL	07/05/2026		Đang mở	90,400	88,000	2.7%	83,500	105,000		
MBB	15/05/2026		Đang mở	25,500	25,600	-0.4%	25,000	28,000		
HDB	15/05/2026		Đang mở	27,450	27,500	-0.2%	26,800	30,000		



Tín hiệu kỹ thuật các cổ phiếu vốn hóa lớn trên HOSE

TOP 15 ĐÓNG GÓP VÀO CHỈ SỐ VNINDEX												
Mã	Giá	Thay đổi giá 1 ngày	Thay đổi giá 5 ngày	Vốn hóa (tỷ VND)	Thay đổi chỉ số	EPS trượt	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
VIC	225,000	-1.32%	0.90%	1,733,857	-4.019	1,506	11.7	149.4	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Trung tính
VCB	63,200	4.12%	4.81%	528,079	3.831	4,301	2.3	14.7	Tích cực	Trung tính	Trung tính	Trung tính
BID	45,300	5.47%	9.16%	329,787	3.178	4,392	1.8	10.3	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
VHM	154,000	-2.53%	-4.35%	632,541	-2.821	15,766	2.4	9.8	Trung tính	Tích cực	Tích cực	Trung tính
GAS	93,000	4.03%	26.36%	224,404	1.592	4,808	3.2	19.3	Tích cực	Tích cực	Trung tính	Trung tính
BSR	33,450	5.35%	20.54%	167,494	1.580	2,612	2.4	12.8	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
GVR	39,300	4.11%	13.09%	157,200	1.137	1,572	2.7	25.0	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
MWG	79,000	-3.66%	-5.39%	116,005	-0.748	5,552	3.3	14.2	Tiêu cực	Tiêu cực	Trung tính	Trung tính
PLX	45,150	6.99%	22.69%	57,367	0.706	1,400	2.3	32.3	Tích cực	Trung tính	Trung tính	Trung tính
CTG	36,300	1.40%	1.97%	281,940	0.694	4,906	1.5	7.4	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Trung tính
VPL	90,400	2.26%	1.57%	162,114	0.646	1,405	4.3	64.4	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
BVH	71,700	6.86%	12.56%	53,225	0.643	3,977	2.1	18.0	Trung tính	Tiêu cực	Trung tính	Trung tính
FPT	74,900	2.74%	7.00%	127,593	0.617	5,691	3.3	13.2	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Tiêu cực
LPB	52,300	1.55%	4.82%	156,235	0.428	3,738	3.2	14.0	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
BCM	56,200	4.07%	8.08%	58,167	0.417	3,294	2.7	17.1	Trung tính	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực

Tín hiệu kỹ thuật các cổ phiếu HNX và UpCom

TOP 10 ĐÓNG GÓP VÀO CHỈ SỐ HNX												
Mã	Giá	Thay đổi giá 1 ngày	Thay đổi giá 5 ngày	Vốn hóa (tỷ VND)	Thay đổi chỉ số	EPS trượt	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
KSV	163,000	3.62%	7.24%	32,600	0.511	13,090	5.4	12.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
KSF	83,700	-1.30%	2.83%	75,312	-0.423	14,074	4.3	6.0	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Tích cực
THD	53,000	4.33%	52.30%	20,405	0.382	271	4.6	195.4	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
PVS	42,500	3.66%	7.05%	21,735	0.344	3,781	1.4	11.2	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
MBS	20,100	3.61%	3.08%	20,119	0.314	1,746	2.4	11.5	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
IDC	42,800	-2.51%	-4.46%	16,243	-0.176	4,899	2.4	8.7	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
PVI	81,000	2.14%	1.89%	18,974	0.176	5,641	2.2	14.4	Tích cực	Trung tính	Tích cực	Tích cực
NVB	10,800	1.89%	0.00%	20,786	0.170	43	1.5	249.5	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
DTK	12,000	4.35%	3.45%	8,193	0.154	1,228	0.9	9.8	Tích cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Trung tính
SHS	18,000	1.69%	1.69%	16,190	0.119	1,463	1.3	12.3	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính

TOP 10 ĐÓNG GÓP VÀO CHỈ SỐ UPCOM												
Mã	Giá	Thay đổi giá 1 ngày	Thay đổi giá 5 ngày	Vốn hóa (tỷ VND)	Thay đổi chỉ số	EPS trượt	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
VGI	97,500	9.30%	14.98%	289,820	0.367	3,657	6.5	26.0	Tích cực	Trung tính	Tích cực	Trung tính
ACV	45,100	2.50%	2.50%	160,585	0.055	2,980	2.2	15.0	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực	Trung tính
DNH	50,200	11.31%	27.74%	21,123	0.033	2,486	3.9	20.1	Tích cực	Trung tính	Trung tính	Tiêu cực
FOX	85,800	3.00%	5.28%	62,535	0.026	4,791	5.3	17.7	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
OIL	17,000	7.59%	19.72%	17,205	0.018	892	1.6	18.6	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
MVN	60,500	1.68%	2.72%	72,339	0.017	1,955	4.9	30.8	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
MSR	38,500	-2.78%	-6.10%	42,406	-0.016	700	3.3	55.1	Tiêu cực	Trung tính	Trung tính	Trung tính
RGG	34,000	-11.69%	-11.69%	6,800	-0.011	735	2.8	46.3	Tiêu cực	Trung tính	Trung tính	Trung tính
IDP	295,600	3.72%	4.82%	17,392	0.009	5,055	5.2	55.7	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
VEA	34,600	0.87%	2.98%	45,608	0.005	5,743	1.6	6.0	Tích cực	Trung tính	Tích cực	Tích cực

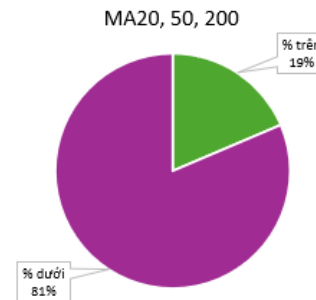
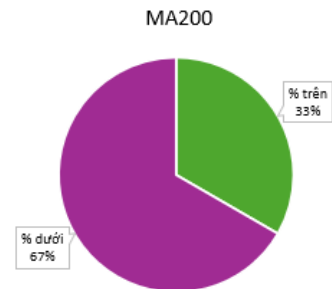
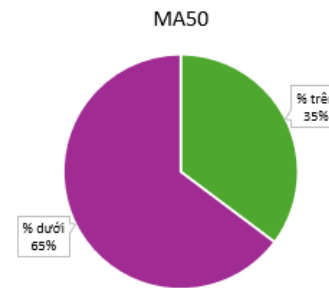
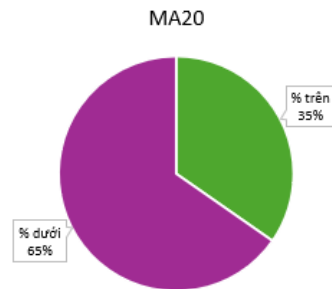
Cổ phiếu vượt đỉnh, phá đáy 52w, thanh khoản đột biến

VƯỢT ĐỈNH 52 TUẦN												
Mã	Giá	Thay đổi Giá	GTGD (tỷ VND)	GTGD TB 30 phiên	Giá thấp nhất 52 tuần	Giá cao nhất 52 tuần	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
LPB	52,300	1.6%	49.8	79.2	29,484	52,100	3.2	14.0	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
HCM	29,600	3.0%	514.0	386.0	19,100	29,207	2.2	21.4	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
THD	53,000	4.3%	10.8	0.9	25,400	50,800	4.6	195.4	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
VPI	63,000	1.8%	257.5	229.1	48,400	62,500	3.8	72.9	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
PVP	20,000	0.8%	41.5	17.8	12,811	19,850	1.0	8.9	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
CAP	45,600	8.6%	6.6	1.3	34,235	44,189	3.2	9.3	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Trung tính

PHÁ ĐÁY 52 TUẦN												
Mã	Giá	Thay đổi Giá	GTGD (tỷ VND)	GTGD TB 30 phiên	Giá thấp nhất 52 tuần	Giá cao nhất 52 tuần	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
KDH	23,200	-0.9%	76.4	115.5	23,300	37,000	1.4	21.6	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
PC1	17,650	-1.1%	403.9	187.0	17,850	31,350	1.1	7.0	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
SZC	25,550	-1.4%	16.3	17.3	25,700	38,633	1.4	19.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực

KLGD ĐỘT BIẾN												
Mã	Giá	Thay đổi Giá	GTGD (tỷ VND)	GTGD TB 30 phiên	Giá thấp nhất 52 tuần	Giá cao nhất 52 tuần	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
POM	4,300	13.2%	31.4	2.7	1,400	8,100	-1.5	-1.4	Tích cực	Trung tính	Trung tính	Tiêu cực
MZG	13,200	2.3%	18.9	4.6	6,667	18,900	1.0	10.9	Tích cực	Tích cực	Trung tính	Trung tính
PLC	24,400	8.9%	37.9	7.7	21,200	37,100	1.6	-247.5	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính
THD	53,000	4.3%	10.8	0.9	25,400	50,800	4.6	195.4	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
MBS	20,100	3.6%	189.0	67.6	17,740	30,989	2.4	11.5	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
BCM	56,200	4.1%	76.3	24.9	50,500	78,640	2.7	17.1	Trung tính	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực
PVB	29,300	5.4%	12.1	3.1	26,500	42,000	1.4	8.2	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính

Tương quan đo lường mức độ tích cực của thị trường



Tương quan đo lường mức độ tích cực của thị trường

Ngày			18/05/2026	15/05/2026	14/05/2026	13/05/2026	12/05/2026	11/05/2026	08/05/2026	07/05/2026
VNINDEX	MA200	Trên	29%	29%	30%	29%	30%	30%	28%	30%
		Dưới	71%	71%	70%	71%	70%	70%	72%	70%
	MA50	Trên	43%	40%	40%	39%	40%	38%	37%	37%
		Dưới	57%	60%	60%	61%	60%	62%	63%	63%
	MA20	Trên	39%	36%	36%	35%	33%	33%	32%	37%
		Dưới	61%	64%	64%	65%	67%	67%	68%	63%
VN30	MA200	Trên	50%	50%	57%	57%	53%	50%	53%	53%
		Dưới	50%	50%	43%	43%	47%	50%	47%	47%
	MA50	Trên	63%	60%	60%	60%	60%	60%	60%	57%
		Dưới	37%	40%	40%	40%	40%	40%	40%	43%
	MA20	Trên	60%	57%	60%	53%	43%	50%	53%	60%
		Dưới	40%	43%	40%	47%	57%	50%	47%	40%
HNX	MA200	Trên	33%	33%	33%	33%	33%	34%	35%	35%
		Dưới	67%	67%	67%	67%	67%	66%	65%	65%
	MA50	Trên	38%	37%	39%	37%	34%	34%	34%	35%
		Dưới	62%	63%	61%	63%	66%	66%	66%	65%
	MA20	Trên	33%	33%	33%	33%	33%	34%	35%	35%
		Dưới	67%	67%	67%	67%	67%	66%	65%	65%
UPCOM	MA200	Trên	32%	31%	30%	28%	28%	29%	28%	29%
		Dưới	68%	69%	70%	72%	72%	71%	72%	71%
	MA50	Trên	32%	33%	32%	30%	31%	31%	30%	30%
		Dưới	68%	67%	68%	70%	69%	69%	70%	70%
	MA20	Trên	35%	36%	34%	34%	36%	34%	35%	35%
		Dưới	65%	64%	66%	66%	64%	66%	65%	65%

Tương quan đo lường mức độ tích cực của ngành

Ngành	Tháng 5										Tháng 4									
	18	15	14	13	12	11	08	07	06	05	04	29	28	24	23	22	21	20	17	16
1 Dầu khí	62	56	57	50	41	37	40	46	50	43	27	29	33	36	36	38	38	37	38	37
2 Bất động sản	55	55	53	54	54	56	63	65	63	63	64	62	60	64	62	64	64	66	67	68
3 Ngân hàng	54	55	54	54	55	57	58	57	54	53	53	54	54	59	59	57	57	55	53	53
4 Hàng & Dịch vụ Côn...	53	52	54	52	52	52	53	53	51	48	46	45	47	51	51	51	48	45	45	45
5 Hóa chất	53	50	51	50	49	48	52	55	52	51	44	43	42	46	46	49	47	45	40	39
6 Tài nguyên Cơ bản	50	52	57	56	56	56	62	61	55	53	54	54	56	58	58	63	62	64	58	59
7 Thực phẩm và đồ uống	48	48	49	49	52	52	55	55	53	49	52	53	55	58	58	57	57	56	53	52
8 Dịch vụ tài chính	46	44	44	43	44	44	47	52	43	38	35	38	36	42	44	47	48	51	51	54
9 Du lịch và Giải trí	42	47	50	51	50	51	59	59	57	54	55	52	47	50	56	58	61	57	57	57
10 Điện, nước & xăng d...	40	40	38	36	35	36	38	40	37	35	32	29	32	34	37	41	43	48	49	49
11 Xây dựng và Vật liệu	33	37	42	43	44	45	50	53	54	53	56	56	57	62	59	61	60	61	59	60
12 Bán lẻ	31	37	38	37	39	43	51	46	44	42	40	47	48	55	58	64	63	63	59	57
13 Ô tô và phụ tùng	31	31	31	32	33	39	45	48	45	46	39	44	49	52	51	54	55	53	50	51
14 Bảo hiểm	30	25	28	27	24	22	22	20	18	19	17	20	20	25	22	25	27	32	33	37
15 Hàng cá nhân & Gia ...	25	26	28	28	29	34	40	38	33	34	36	41	41	47	50	54	52	51	49	50
16 Công nghệ Thông tin	20	17	16	12	12	13	17	17	19	17	20	19	16	26	26	27	24	24	20	23

Top các cổ phiếu có tín hiệu kỹ thuật Tích cực

Mã	Giá	Tăng giảm 1 phiên	Tăng giảm 5 phiên	Vốn hóa (tỷ đồng)	PB	PE	EPS	KLGD (tỷ đồng)	Xu hướng	Sum	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
VCB	63,200	4.1%	4.8%	528,079	2.3	14.7	4,301	1,176.2	Tích cực	9.5	Trung tính	Trung tính	Trung tính
BID	45,300	5.5%	9.2%	329,787	1.8	10.3	4,392	771.6	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
VGI	97,500	9.3%	15.0%	289,820	6.5	26.0	3,657	247.3	Tích cực	9.5	Trung tính	Tích cực	Trung tính
CTG	36,300	1.4%	2.0%	281,940	1.5	7.4	4,906	682.4	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Trung tính
GAS	93,000	4.0%	26.4%	224,404	3.2	19.3	4,808	379.7	Tích cực	9.5	Tích cực	Trung tính	Trung tính
BSR	33,450	5.4%	20.5%	167,494	2.4	12.8	2,612	689.3	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
VPL	90,400	2.3%	1.6%	162,114	4.3	64.4	1,405	78.3	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
GVR	39,300	4.1%	13.1%	157,200	2.7	25.0	1,572	224.6	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
LPB	52,300	1.6%	4.8%	156,235	3.2	14.0	3,738	49.8	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
FOX	85,800	3.0%	5.3%	62,535	5.3	17.7	4,791	49.5	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
SAB	48,400	-0.3%	1.7%	62,076	2.8	12.9	3,754	27.5	Tích cực	9.5	Tích cực	Trung tính	Trung tính
GEX	35,000	0.3%	2.6%	45,796	2.4	30.7	1,139	537.5	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
POW	14,300	1.4%	2.5%	43,870	1.2	12.8	1,122	353.2	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
MSB	13,900	0.0%	3.0%	43,368	1.0	7.4	1,884	217.7	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
HCM	29,600	3.0%	7.4%	31,967	2.2	21.4	1,382	514.0	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
DCM	45,000	2.9%	4.9%	23,823	2.1	10.2	4,413	266.2	Tích cực	9.5	Tích cực	Trung tính	Tích cực
PVS	42,500	3.7%	7.1%	21,735	1.4	11.2	3,781	458.0	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
THD	53,000	4.3%	52.3%	20,405	4.6	195.4	271	10.8	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
VPI	63,000	1.8%	4.8%	20,163	3.8	72.9	865	257.5	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
PVD	35,800	6.2%	14.2%	19,901	1.2	16.7	2,139	426.0	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực

Top các cổ phiếu có tín hiệu kỹ thuật Tiêu cực

Mã	Giá	Tăng giảm 1 phiên	Tăng giảm 5 phiên	Vốn hóa (tỷ đồng)	PB	PE	EPS	KLGD (tỷ đồng)	Xu hướng	Sum	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
KDH	23,200	-0.9%	-2.3%	26,035	1.4	21.6	1,077	76.4	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
FRT	134,000	0.0%	-2.9%	22,820	5.1	25.0	5,368	57.1	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
HDG	24,450	-1.2%	-1.6%	9,046	1.3	13.6	1,798	40.3	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
PC1	17,650	-1.1%	-5.4%	7,259	1.1	7.0	2,532	403.9	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
MBB	25,500	-0.6%	-1.9%	205,402	1.4	7.4	3,442	479.1	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
HPG	26,450	-0.4%	-2.0%	203,016	1.5	9.6	2,749	726.8	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Trung tính	Trung tính
MWG	79,000	-3.7%	-5.4%	116,005	3.3	14.2	5,552	954.2	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Trung tính	Trung tính
SHB	13,800	-0.7%	-2.5%	72,492	1.0	5.3	2,612	606.5	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
HVN	21,250	-0.5%	-1.6%	66,119	6.4	7.0	3,035	13.6	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
SSB	16,550	0.3%	-0.9%	47,085	1.1	15.1	1,099	31.9	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
TPB	15,500	-1.3%	-1.6%	42,998	1.0	5.8	2,661	121.3	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
EIB	21,700	-0.7%	-4.6%	40,421	1.5	54.1	401	208.3	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
PNJ	64,700	-3.9%	-6.4%	33,108	2.3	9.1	7,093	148.4	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Trung tính	Trung tính
REE	52,800	0.7%	-0.6%	32,889	1.6	12.5	4,224	33.8	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
KBC	32,050	0.0%	-1.4%	30,183	1.2	18.7	1,714	99.0	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
HAG	15,700	-2.5%	-4.6%	19,898	1.4	6.3	2,495	126.6	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
VCG	21,200	-1.9%	-2.8%	13,705	1.2	3.3	6,432	212.4	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
SIP	53,400	-1.1%	-3.7%	12,929	2.4	9.9	5,392	19.6	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Trung tính	Trung tính
NLG	26,200	-1.1%	-0.8%	12,710	1.0	16.4	1,599	51.4	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
BAF	34,800	-1.4%	-1.8%	10,580	2.5	52.9	658	54.7	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Trung tính	Trung tính
CTD	73,200	-4.4%	-3.7%	8,185	0.9	9.7	7,565	138.7	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Trung tính	Tiêu cực

Top các cổ phiếu theo dõi có upside dài hạn lớn

Mã	Giá	Thay đổi giá 1 ngày	Thay đổi giá 5 ngày	Giá mục tiêu	% Upside	EPS trượt	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
STK	13,000	-1.52%	-1.52%	25,500	93.2%	(143)	1.1	-90.8	Tiêu cực	Trung tính	Tiêu cực	Trung tính
KDH	23,200	-0.85%	-2.32%	42,600	82.1%	1,077	1.4	21.6	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
DGC	51,600	0.19%	6.17%	91,200	77.1%	6,911	1.3	7.5	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
NLG	26,200	-1.13%	-0.76%	45,800	72.8%	1,599	1.0	16.4	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
PC1	17,650	-1.12%	-5.36%	30,500	70.9%	2,532	1.1	7.0	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
SZC	25,550	-1.35%	-0.58%	42,400	63.7%	1,309	1.4	19.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
FPT	74,900	2.74%	7.00%	116,600	59.9%	5,691	3.3	13.2	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Tiêu cực
BMI	14,550	0.34%	0.69%	23,100	59.3%	1,676	0.7	8.7	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
VGC	43,800	-0.23%	-2.88%	66,800	52.2%	2,896	2.2	15.1	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
TV2	32,500	0.78%	-0.15%	49,000	51.9%	1,971	1.7	16.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
HPG	26,450	-0.38%	-2.04%	38,900	46.5%	2,749	1.5	9.6	Tiêu cực	Tiêu cực	Trung tính	Trung tính
PVS	42,500	3.66%	7.05%	60,000	46.3%	3,781	1.4	11.2	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
HDG	24,450	-1.21%	-1.61%	36,200	46.3%	1,798	1.3	13.6	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
SSI	28,150	0.90%	-0.53%	40,800	46.2%	2,153	1.8	13.1	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
PLC	24,400	8.93%	14.55%	31,900	42.4%	(99)	1.6	-247.5	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính
VPB	27,450	-0.36%	0.50%	38,000	37.9%	3,314	1.3	8.3	Trung tính	Tích cực	Tích cực	Trung tính
ACB	23,000	-1.29%	1.10%	32,000	37.3%	3,167	1.2	7.3	Tiêu cực	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực
MCH	132,000	-0.75%	4.76%	181,700	36.6%	5,341	9.9	24.7	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
MBB	25,500	-0.58%	-1.92%	35,000	36.5%	3,442	1.4	7.4	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
ACG	33,900	0.00%	-0.29%	45,800	35.1%	3,521	1.2	9.6	Tiêu cực	Tiêu cực	Trung tính	Trung tính

Khuyến cáo

Chúng tôi xác nhận rằng những quan điểm được trình bày trong báo cáo này phản ánh đúng quan điểm cá nhân của chúng tôi về công ty này. Chúng tôi cũng xác nhận rằng không có phần thù lao nào của chúng tôi đã, đang, hoặc sẽ trực tiếp hay gián tiếp có liên quan đến các khuyến nghị hay quan điểm thể hiện trong báo cáo này. Các chuyên viên phân tích nghiên cứu phụ trách các báo cáo này nhận được thù lao dựa trên nhiều yếu tố khác nhau, bao gồm chất lượng, tính chính xác của nghiên cứu, và doanh thu của công ty, trong đó bao gồm doanh thu từ các đơn vị kinh doanh khác như bộ phận Môi giới tổ chức, hoặc Tư vấn doanh nghiệp.

Báo cáo này được viết và phát hành bởi Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap. Báo cáo này được viết dựa trên nguồn thông tin đáng tin cậy vào thời điểm công bố. Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap không chịu trách nhiệm về độ chính xác của những thông tin này. Quan điểm, dự báo và những ước lượng trong báo cáo này chỉ thể hiện ý kiến của tác giả tại thời điểm phát hành. Những quan điểm này không thể hiện quan điểm chung của Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap và có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Báo cáo này chỉ nhằm mục đích cung cấp thông tin cho các tổ chức đầu tư cũng như các nhà đầu tư cá nhân của Công ty cổ phần chứng khoán Vietcap và không mang tính chất mời chào mua hay bán bất kỳ chứng khoán nào được thảo luận trong báo cáo này. Quyết định của nhà đầu tư nên dựa vào những sự tư vấn độc lập và thích hợp với tình hình tài chính cũng như mục tiêu đầu tư riêng biệt. Báo cáo này không được phép sao chép, tái tạo, phát hành và phân phối với bất kỳ mục đích nào nếu không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap. Xin vui lòng ghi rõ nguồn trích dẫn nếu sử dụng các thông tin trong báo cáo này.

Thông tin liên hệ

Phòng Research

Duc Vu, Associate Director

+84 28 3914 3588, ext 363

duc.vu@vietcap.com.vn

Research team

+84 28 3914 3588

research@vietcap.com.vn

Nam Hoang, Head of Research

+84 28 3914 3588, ext 124

nam.hoang@vietcap.com.vn

Brokerage and Institutional Sales & Trading

Anthony Le

**Director, Brokerage &
Institutional Sales & Trading**

+84 28 3914 3588, ext 525

anthony.le@vietcap.com.vn

Quynh Chau

**Managing Director
Brokerage**

+84 28 3914 3588, ext 222

quynh.chau@vietcap.com.vn